TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG ĐIỀN** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115 /2019/HNGĐ-ST
Ngày 18/11/2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Việt Đức.

2. Bà Hồ Thị Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Thống - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Điền xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2019/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 7 năm 2019 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/10/2019. Quyết định hoãn phiên tòa số 15/QĐST-HNGĐ ngày 31/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Như B; sinh năm: 1992;

Nơi cư trú: Thôn Mỹ Thạnh, xã Quảng Lợi, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phan D; sinh năm: 1990;

Nơi cư trú: Thôn Mỹ Thạnh, xã Quảng Lợi, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 19 tháng 6 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đặng Thị Như B trình bày:

Chị B và anh Phan D sau một thời gian quen biết, tìm hiểu đã tổ chức lễ cưới, cùng chung sống từ năm 2015, đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã

Quảng Lợi, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 10/04/2015. Sau cưới, vợ chồng cùng chung sống hạnh phúc được một khoảng thời gian 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do đứa con đầu lòng của hai vợ chồng về nhà ngoại chơi không may bị chết từ đó vợ chồng thường xuyên gây gỗ, Không thể tiếp tục chịu đựng để chung sống. Vợ chồng sống ly thân đến nay đã hơn 2 năm, không quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa. Nay tình cảm không còn, chị B xin được ly hôn với anh D để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 con chung nhưng đã mất.

Tài sản chung, nợ chung: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ ly vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập đến Tòa án làm việc nhưng anh D chỉ đến làm việc với tòa án một lần, sau đó bỏ mặc và vắng mặt không có lý do nên Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương xã Quảng Lợi và lấy lời khai cũa mẹ chị B. Quá trình xác minh thấy rằng: Mâu thuẫn giữa chị B với anh D đã đến mức trầm trọng. anh D và chị B đã sóng ly thân nhau 02 năm nay.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Điền tham gia phiên tòa:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến như sau:

Việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử sơ thẩm, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa.

Qúa trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình; riêng bị đơn không chấp hành mặc dù đã được Tòa án thông báo, tống đạt giấy triệu tập các văn bản tố tụng hợp lệ.

Về nội dung vụ án: Từ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng giữa chị B và anh D đã trầm trọng; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho chị B được ly hôn với anh D

Về con chung: không có nên không xem xét.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa án không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Đặng Thị Như B có đơn xin ly hôn, anh Phan D có nơi đăng ký nhân khẩu thường trú tại xã Quảng Lợi, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế nên tranh chấp trên được xác định là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Phan D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Như B và anh Phan D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 33, ngày 10/04/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Lợi, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Do đó, hôn nhân của chị Đặng Thị Như B và anh Phan D là hôn nhân hợp pháp. Qúa trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do con chung cũa vợ chồng chết nên anh D gây gỗ vợ . Vì không thể tiếp tục chịu đựng nên chị B sống ly thân hơn 02 năm nay; không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa. Vì vậy, mâu thuẫn của chị B và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, sống bỏ mặc nhau nên cần áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị B được ly hôn với anh D.

[3]. Về con chung: Qúa trình chung sống, chị B và anh D có 01 con nhưng đã chết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Đặng Thị Như B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đặng Thị Như B.

1. Về hôn nhân: Chị Đặng Thị như B được ly hôn với anh Phan D.

2. Về con chung: không có nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Chị Đặng Thị như B phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số: AA/2013/005158 ngày 08/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Điền, chị B đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Quảng Điền;
- Chi cục THA.DS huyện Q.Điền;
- UBND xã Quảng Ngạn;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Thuận

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Quảng Điền;
- Chi cục THA.DS huyện Q.Điền;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Cao Sơn